

## Section 1: Hoạt động hàng ngày 1

Vui lòng xem video này tại [Prep.vn](https://prep.vn)

**Exercise 1.** Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống để tạo thành cụm từ có nghĩa.

- \_\_\_\_ city            have
- \_\_\_\_ up early      study
- \_\_\_\_ breakfast    work in an
- \_\_\_\_ meeting     wake
- \_\_\_\_ office        have a
- \_\_\_\_ Chinese     live in a

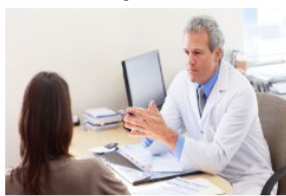
**Exercise 2.** Dựa vào ảnh gợi ý, điền **MỘT** từ thích hợp để hoàn thành câu.



Picture 1



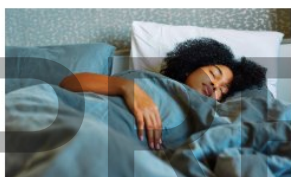
Picture 2



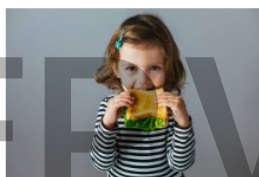
Picture 3



Picture 4



Picture 5



Picture 6

Picture 1: I live in an \_\_\_\_\_.

Picture 2: I often \_\_\_\_\_ lunch at 11pm.

Picture 3: I had an \_\_\_\_\_ with the doctor.

Picture 4: I \_\_\_\_\_ English at the library.

Picture 5: I like \_\_\_\_\_.

Picture 6: I often eat a \_\_\_\_\_ for breakfast.

**Exercise 3.** Nghe và điền từ/cụm từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành đoạn văn dưới đây.

Vui lòng xem audio này tại [Prep.vn](https://prep.vn)

During the week, I usually \_\_\_\_\_ at 6.30 a.m. I sometimes lie in bed for five minutes but then I have to get up. Most evenings, I go to bed at about 11.30 p.m. I'm usually very tired, so I go to \_\_\_\_\_ very quickly. In the week, I have breakfast at 7.30 a.m., \_\_\_\_\_ at 1.00 p.m., and dinner around 7 p.m. I also have one or two snacks during the day at work. As I live alone in a \_\_\_\_\_, I also have to make my own \_\_\_\_\_ and dinner. In the summer, I have a \_\_\_\_\_ in the morning, but in the winter I often have a bath instead. In the morning, I leave home about 8.15 a.m. and get to \_\_\_\_\_ by 9 a.m. I leave work at around 5.30 p.m. and get home at about 6.15 p.m.

**Exercise 4.** Chọn từ thích hợp để hoàn thành các câu dưới đây.

What time do you usually \_\_\_\_\_ lunch?                      house

I've got a \_\_\_\_ with Mr Edwards this afternoon.    playing  
They live in a really big \_\_\_\_ in Hampstead        dinner  
How long have you been \_\_\_\_ English?            eat  
I thought we might have pasta for \_\_\_\_ tonight.   meeting  
Kendra is \_\_\_\_ with dolls in her room.            learning

**Exercise 5. Chọn đáp án đúng để hoàn thành các câu dưới đây.**

They have a house in the country and a \_\_\_\_ in Manchester.

- ☐ A. flat
- ☐ B. officer
- ☐ C. shower

I usually sleep \_\_\_\_ on Saturdays.

- ☐ A. off
- ☐ B. in
- ☐ C. at

PREP.VN

We \_\_\_\_ lunch at a café near our house yesterday.

- ☐ A. studied
- ☐ B. worked
- ☐ C. had

I often have a quick \_\_\_\_ in the morning.

- ☐ A. shower
- ☐ B. dinner
- ☐ C. office

I work in a large open \_\_\_\_.

- ☐ A. office
- ☐ B. lunch
- ☐ C. meeting

My dad often \_\_\_\_\_ up at five in the morning.

- ☐ A. studies
- ☐ B. wakes
- ☐ C. learns

**Exercise 6.** Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn thành đoạn văn dưới đây.

Lưu ý có một từ không cần sử dụng đến.

**Bước 1:** Đọc hiểu phần văn bản và dịch nghĩa dưới đây để làm quen với ngôn ngữ và các từ mới (nếu có)

<p>I live in a small _____ in Hanoi. I'm an office worker and I have a busy daily routine. I usually _____ at about 6.00 or 6.30 in the morning. First, I brush my teeth and wash my face. Then, I get dressed and go downstairs to have _____ with my family. I always have coffee, a _____ and lots of fruits. I take the bus to work because I don't like to drive. I always arrive at my _____ at 8.00. I'm never late for work. At work, I often have a meeting in the morning and sometimes I have _____ with my customers in the afternoon. I finish work at 5 o'clock and go back home. We eat _____ together at around 6.00 and I often go to bed at 9:30.</p>	<p>Tôi sống trong một _____ nhỏ ở Hà Nội. Tôi là một nhân viên văn phòng và tôi có một lịch trình bận rộn hàng ngày. Tôi thường _____ vào khoảng 6 giờ hoặc 6 giờ 30 vào buổi sáng. Đầu tiên, tôi đánh răng và rửa mặt. Sau đó, tôi mặc quần áo và xuống nhà _____ với gia đình. Tôi luôn uống cà phê, ăn bánh _____ và rất nhiều trái cây. Tôi đi xe buýt đi làm vì tôi không thích lái xe. Tôi luôn đến _____ lúc 8 giờ. Tôi không bao giờ đi làm muộn. Tại nơi làm việc, tôi thường có một cuộc họp vào buổi sáng và đôi khi tôi có _____ với khách hàng vào buổi chiều. Tôi kết thúc công việc lúc 5 giờ và trở về nhà. Chúng tôi ăn _____ cùng nhau vào khoảng 6 giờ và tôi thường đi ngủ lúc 9 giờ 30.</p>
---	--

I live in a small \_\_\_\_\_ in Hanoi. I'm an office worker and I have a busy daily routine. I usually \_\_\_\_\_ at about 6.00 or 6.30 in the morning. First, I brush my teeth and wash my face. Then, I get dressed and go downstairs to have \_\_\_\_\_ with my family. I always have coffee, a \_\_\_\_\_ and lots of fruits. I take the bus to work because I don't like to drive. I always arrive at my \_\_\_\_\_ at 8.00. I'm never late for work. At work, I often have a meeting in the morning and sometimes I have \_\_\_\_\_ with my customers in the afternoon. I finish work at 5 o'clock and go back home. We eat \_\_\_\_\_ together at around 6.00 and I often go to bed at 9:30.

**Exercise 7. Đọc đoạn văn dưới đây và xác định xem các câu đã cho là đúng (True) hay sai (False).**

**Bước 1: Đọc hiểu phần văn bản và dịch nghĩa dưới đây để làm quen với ngôn ngữ và các từ mới (nếu có)**

<p>Alfred is an American boy. He lives in Los Angeles, California. He lives with his family in a modern flat. He is eleven years old and he has got an older brother, David, and a younger sister, Emma. He starts his day at about half past seven. He gets up, goes to the bathroom, takes a shower, brushes his teeth and gets dressed. Then he has breakfast and at a quarter to eight he leaves home and catches the bus to school.</p> <p>Classes begin at half past eight. He usually has lunch at the school canteen at half past twelve. After school, at a quarter past five, he goes home. There he does his school homework and when he finishes it he helps his Mum laying the table. At half past seven the family have dinner together. Alfred is a very helpful boy, so he helps his mother clean up everything after dinner. He usually watches TV for a while after dinner and at about ten o'clock he brushes his teeth again and goes to bed. His parents always kiss him goodnight before he gets asleep. Alfred is a very happy boy!</p>	<p>Alfred là một cậu bé người Mỹ. Anh ấy sống ở Los Angeles, California. Anh sống cùng gia đình trong một căn hộ hiện đại. Anh ấy mười một tuổi và có một anh trai, David, và một em gái, Emma. Anh ấy bắt đầu một ngày của mình vào khoảng bảy giờ rưỡi. Anh thức dậy, đi vào phòng tắm, tắm rửa, đánh răng và mặc quần áo. Sau đó, anh ấy ăn sáng và lúc 8 giờ kém 15, anh ấy rời nhà và bắt xe buýt đến trường.</p> <p>Các lớp học bắt đầu lúc tám giờ rưỡi. Anh ấy thường ăn trưa tại căng tin của trường lúc 12 giờ rưỡi. Sau giờ học, lúc năm giờ mười lăm phút, anh ấy về nhà. Ở đó, anh ấy làm bài tập ở trường và khi hoàn thành nó, anh ấy giúp mẹ dọn bàn. Lúc bảy giờ rưỡi gia đình ăn tối cùng nhau. Alfred là một cậu bé rất hay giúp đỡ nên đã giúp mẹ dọn dẹp mọi thứ sau bữa tối. Anh ấy thường xem TV một lúc sau bữa tối và vào khoảng 10 giờ, anh ấy đánh răng một lần nữa và đi ngủ. Bố mẹ anh ấy luôn hôn chúc anh ấy ngủ ngon trước khi anh ấy đi ngủ. Alfred là một cậu bé rất hạnh phúc!</p>
--	---

Alfred is an American boy.

- ☐ A. True  
☐ B. False

He lives in a modern house.

- ☐ A. True  
☐ B. False

He is eleven years old.

- ☐ A. True  
☐ B. False

He has got two brothers.

- ☐ A. True  
☐ B. False

Alfred wakes up at eight o'clock.

- ☐ A. True  
☐ B. False

He has breakfast at the school's canteen.

- ☐ A. True  
☐ B. False

He walks to school.

- ☐ A. True  
☐ B. False

His classes begin at half past eight.

- ☐ A. True  
☐ B. False

He has lunch at half past twelve.

- ☐ A. True
- ☐ B. False

Alfred and his family have dinner at half past seven.

- ☐ A. True
- ☐ B. False

PREP.VN